

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2025** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **05** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 3766/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (có Phụ lục kèm theo).

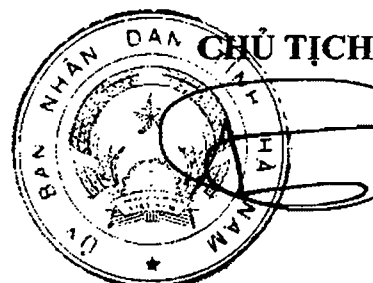
Điều 2. Giao các sở, ngành, các đơn vị có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính tiếp tục cắt giảm từ 50-65% thời gian giải quyết TTHC so với quy định pháp luật; dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

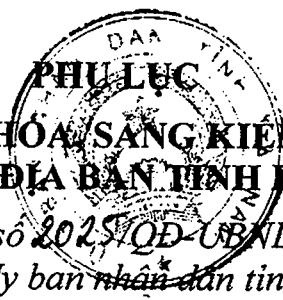
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- VPUB: LĐVP, TH (Â), KSTT;
- Lưu: VT, KSTT.



Nguyễn Xuân Đông



PHU LỤC **PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA/SÁNG KIẾN CẢI CÁCH THỦ TỤC** **HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

1. Thủ tục lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

1.1. Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 35 ngày làm việc xuống 27 ngày làm việc.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2, khoản 6, khoản 7, điều 33, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 96.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 66.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 30.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,5%

1.2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 2, điều 37, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 96.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 66.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,5%

1.3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 37 ngày làm việc xuống 27 ngày làm việc.
- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 5, khoản 6, điều 30, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 158.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 96.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 62.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,2%

1.4. Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 26 ngày làm việc xuống 19 ngày làm việc.
- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: sửa đổi điểm b, c, d, đ e, khoản 1, điều 34, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 85.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 66.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,8%.

1.5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 1, điều 40, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 127.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 86. 00.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 41.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,3%.

2. Thủ tục lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

2.1. Chính sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 2, điều 26, Thông tư 19/2015/TT-BGDDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp THPT, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,1%.

2.2. Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 3, điều 47, Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,02%.

3. Thủ tục lĩnh vực Lao động- Thương binh và xã hội (*Thủ tục, quy định liên quan trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội*)

Các thủ tục: (01) Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; (02) Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung 1: Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày xuống 02 ngày từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nội dung 2: Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân, tổ chức trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời đa dạng hóa phương thức nhận hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: sửa khoản 2, Điều 17, Nghị định 103/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,9%.

4. Thủ tục quy định liên quan trong lĩnh vực kinh doanh khí (lĩnh vực Công Thương)

4.1. Các thủ tục: (01) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG; (02) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán LNG; (03) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán CNG; (04) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai; (05) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn; (06) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải; (07) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải; (08) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống 06 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân, tổ chức trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3, Điều 43, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 250.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 156.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 94.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,6%.

4.2. Các TTHC: (01) cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG; (02) cấp lại/ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán LNG; (03) cấp lại/ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán CNG; (04) cấp lại/ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai; (05) cấp lại/ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn; (06) cấp lại/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải; (07) cấp lại/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải; (08) cấp lại/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày xuống 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính.

Lý do: Để cắt giảm chi phí về thời gian, tài chính của cá nhân, tổ chức trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 45 và điểm c, khoản 2, Điều 45, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 196.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 131.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 65.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,2%.
